

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TAM BÌNH  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 02 – 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con và  
cấp dưỡng cho con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phan Kiên Nhân.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 258/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Kim L, sinh năm 1983 (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị Kim L trình bày:*

- Về hôn nhân: Qua mai mối, được sự đồng ý của gia đình, chị và anh Trần Văn H tổ chức lễ cưới vào năm 2000 và đăng ký kết hôn ngày 07/5/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 19 năm. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể điều hòa được, thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Mặc dù, chị đã cố gắng

vun đắp tình cảm để vợ chồng chung sống nhưng không đạt kết quả. Nên tháng 01/2021, chị và anh H sống ly thân cho đến nay không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị và anh H có với nhau 02 người con chung tên Trần Thị Huỳnh G, sinh ngày 28/8/2000 đã có gia đình riêng và cháu Trần Thanh S, sinh ngày 02/11/2004 hiện anh H đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao cháu S cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chị đồng ý cấp dưỡng cho cháu S nếu anh H có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:*

Anh Trần Văn H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

#### ***- Về tố tụng:***

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Anh H đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo thủ tục chung.

#### ***- Về nội dung:***

[1] Về hôn nhân: Chị L và anh H là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể điều hòa được, thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Chị L và anh H có thời gian sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay không trở về đoàn tụ. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không có văn bản trình bày ý kiến

hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu ly hôn của chị L. Căn cứ vào lời trình bày của chị L và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa chị L và anh H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa chị L và anh H.

[2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con: Chị L và anh H có với nhau 02 người con chung là cháu Trần Thị Huỳnh G, sinh ngày 28/8/2000 đã thành niên có gia đình riêng không yêu cầu giải quyết và cháu Trần Thanh S, sinh ngày 02/11/2004 hiện anh H đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị L đồng ý giao cháu S cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho cháu S nếu anh H có yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không giao nộp văn bản trình bày nguyện vọng của cháu S sau khi cha mẹ ly hôn được chung sống với ai và không giao nộp văn bản trình bày ý kiến của anh về việc chị L đồng ý giao cháu S cho anh nuôi dưỡng, cũng như có yêu cầu chị L cấp dưỡng cho cháu S hay không. Do đó, để ổn định môi trường sống, học tập và quyền lợi của cháu Sang. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết giao cháu S cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có quyền yêu cầu chị L cấp dưỡng cho cháu S bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật nếu có yêu cầu, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Do không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, Tòa án giải quyết chị L phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng và được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Kim L và anh Trần Văn H.

**2. Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng cho con:**

2.1. Giao cháu Trần Thanh S, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2004 cho anh Trần Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Trần Văn H có quyền yêu cầu chị Phan Thị Kim L cấp dưỡng cho cháu Trần Thanh S bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật nếu có yêu cầu.

2.3. Chị Phan Thị Kim L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:** Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc chị Phan Thị Kim L phải nộp án phí lý hôn số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ xong vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số N<sub>o</sub> 0011170 ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

**5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

**6. Vụ án được xét xử công khai.** Có mặt chị Phan Thị Kim L, vắng mặt anh Trần Văn H. Báo cho chị L có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng anh H vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- NĐ + BĐ: 02;
- UBND xã T: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

*(Đã ký)*

**Cao Minh Tân**